TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY NAM** TỈNH BẾN TRE	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mỏ Cày N, ngày 18 tháng 4 năm 2025

Số: 59/2025/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 103/2025/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2025 về việc *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con",* giữa:

1. Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị N1,** sinh năm 1982. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre. Chỗ ở hiện nay: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Ông **Đinh Văn T,** sinh năm 1977. Nơi cư trú: Ấp T, xã C, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 08 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị N1 và ông Đinh Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N1 và ông Đinh Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N1 và ông Đinh Văn T có hai con chung tên là Đinh Thị Cẩm T1, sinh ngày 31/5/2000 và Đinh Văn Duy K, sinh ngày 11/7/2006, hai con chung đã trưởng thành, bà Nguyễn Thị N1 và ông Đinh Văn T không yêu cầu giải quyết về con chung nên không xem xét.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị N1 và ông Đinh Văn T trình bày tự thoả thuận, không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị N1 và ông Đinh Văn T trình bày không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị N1 tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 00011620 ngày 20 tháng 3 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre; hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N1 số tiền chênh lệch là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự (2b);
- UBND xã Cẩm Sơn (1b);
- VKSND huyện MCN(1b);
- Chi cục THADS H.MCN(1b);
- TAND tỉnh Bến Tre(1b);
- Lưu HS, VP (3b). TC:9b.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Trang